

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 721/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;
- Ông Trần Văn Chon.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.**

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Tr, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 86A Đường 719, Tổ 7, ấp Tr, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Lê Văn M, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 86A Đường 719, Tổ 7, ấp Tr, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 13/02/2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Tr trình bày:

Bà với ông Lê Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/003 ngày 23/4/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian, rồi phát sinh mâu thuẫn do vấn đề về tiền bạc và thường xuyên cãi vã gay gắt, ông M không lo cho vợ con, gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên bảo ông M nhưng ông M không chịu thay đổi nên bà với ông M hiện đã ly thân. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hồng Ng, sinh ngày 02/9/2003 (đã trưởng thành) và Lê Hoàng Ch, sinh ngày 08/01/2010; hiện trẻ Ch đang sống với bà. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ch và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Căn cước công dân (bản phô tô), Thông báo số định dân cá nhân (bản chính), Giấy đăng ký kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con chung (bản sao), Đơn khởi kiện, Bản tự khai (bản chính).

Ông Lê Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện ngày 13/02/2023, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc trường hợp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về tổng đạt, xét xử vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tr với ông Lê Văn M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 36, quyền số: 01/003 ngày 23/4/2003 là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của bà Tr xin ly hôn với ông M là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà Tr thì mâu thuẫn giữa bà với ông M là trầm trọng và không thể hàn gắn do vấn đề về tiền bạc mà vợ chồng thường xuyên cãi vã gay gắt, ông M không lo cho vợ con và gia đình, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà với ông M không còn quan hệ vợ chồng, và hiện nay đã ly thân.

Ông M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M căn cứ theo các tài liệu chứng cứ

mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Tr với ông M không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai bên không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hồng Ng, sinh ngày 02/9/2003 (đã trưởng thành) và Lê Hoàng Ch, sinh ngày 08/01/2010; con chung đang sống cùng bà Tr. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung cũng như nguyện vọng của bà Tr nên cần giao cho bà Tr tiếp tục được quyền nuôi dưỡng trẻ Ch và ông M không cấp dưỡng nuôi trẻ Ch là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Nghĩa vụ dân sự chung: Ghi nhận lời khai của bà Tr vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tr được ly hôn với ông Lê Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/003 ngày 23/4/2003 đã được Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Tr, ông M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hồng Ng, sinh ngày 02/9/2003 (đã trưởng thành) và Lê Hoàng Ch, sinh ngày 08/01/2010. Bà Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ch; ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi trẻ Ch.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Võ Thị Tr phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2022/0001100 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Anh Đạt